

1.2.2	Doanh thu bán ra chịu thuế suất 10%	160.164.728	160.164.728	0
2	Thuế GTGT của HH, DV bán ra	16.016.472	16.016.472	0
3	Thuế GTGT của HH, DV mua vào	5.727.400	3.976.400	1.751.000
4	Thuế GTGT của HH, DV được khấu trừ	5.727.400	3.976.400	1.751.000
5	Thuế GTGT còn được khấu trừ năm trước chuyển sang (+),(-)	(10.683.029)	(10.683.029)	0
6	Thuế GTGT phải nộp NSNN	0	1.646.952	1.646.952
7	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm sau (+),(-)	(393.957)	(289.909)	104.048
B	Thuế TNDN			
I	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính			
1	Doanh thu bán HH,DV	160.164.727	160.164.727	0
2	Doanh thu hoạt động tài chính			0
3	Chi phí SXKD hàng hóa, dịch vụ	271.259.280	253.749.280	17.510.000
a	Giá vốn	159.314.281	141.804.281	17.510.000
b	Chi phí quản lý doanh nghiệp	111.944.999	111.944.999	0
4	Chi phí tài chính	0	0	0
	Trong đó lãi vay dùng cho SXKD	0	0	0
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(111.094.552)	(93.584.552)	17.510.000
6	Thu nhập khác	2.493	2.493	0
7.1	Chi phí khác	0	0	0
7.2	Lợi nhuận khác	0	0	0
8	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(111.091.059)	(93.582.060)	17.510.000
II	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN			0
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN	0		
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	0	0	0
3	Tổng thu nhập chưa trừ chuyển lỗ	(111.091.059)	(93.582.060)	17.510.000
4	Lỗ từ các năm trước chuyển sang	0		
III	Xác định số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế			0
3	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ tính thuế	0	0	0
IV	Các loại thuế khác	1.000.000	1.000.000	0
1	Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	0
2	Thuế TN cá nhân	0	0	0

Giải thích số liệu chênh lệch qua kiểm tra:

1. Thuế GTGT: Thuế GTGT đầu vào giảm: 1.751.000 đồng do:

- Điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ: **1.751.000** đồng là số thuế GTGT đầu vào tương ứng trị giá: 17.510.000 đồng của hóa đơn mua hàng của Doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh không liên quan đến hoạt động SXKD của Doanh nghiệp. Tại thời điểm lập Biên bản kiểm tra chưa có kết quả xác minh hóa đơn, các hóa đơn trên không nằm trong các

hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo Thông báo của cơ quan thuế, chưa đủ căn cứ để kết luận là hóa đơn bất hợp pháp.

(Căn cứ theo Điều 12 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013)

(Đính kèm các biên bản xác nhận số liệu)

2. Thuế TNDN:

1/ Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN: **17.510.000** đồng, gồm:

- Điều chỉnh giảm giá vốn 17.510.000 đồng của hóa đơn mua hàng của Doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp đã nêu ở phần thuế GTGT .

(Căn cứ theo Điều 9 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013)

(Đính kèm các biên bản xác nhận số liệu)

- Giảm lỗ phát sinh trong năm 2015 là 17.510.000 đồng do các nguyên nhân trên .

Năm 2016:

đơn vị tính: VN đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu theo kê khai của NNT	Số liệu theo kiểm tra	Chênh lệch
1	2	3	4	5
A	<u>Thuế GTGT</u>			
1	Doanh thu bán HH, cung cấp DV			0
1.1	Doanh thu không chịu thuế GTGT			0
1.2	Doanh thu chịu thuế GTGT			0
1.2.2	Doanh thu bán ra chịu thuế suất 10%			0
2	Thuế GTGT của HH, DV bán ra			0
3	Thuế GTGT của HH, DV mua vào	66.100	66.100	0
4	Thuế GTGT của HH, DV được khấu trừ	66.100	66.100	0
5	Thuế GTGT còn được khấu trừ năm trước chuyển sang (+),(-)	(393.957)	(289.909)	104.048
6	Thuế GTGT phải nộp NSNN	.	.	.
7	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm sau (+),(-)	(460.057)	(356.009)	104.048
B	<u>Thuế TNDN</u>			
I	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính			
1	Doanh thu bán HH, DV	0		0
2	Doanh thu hoạt động tài chính	0		0
3	Chi phí SXKD hàng hóa, dịch vụ	1.132.000	1.132.000	
a	Giá vốn			
b	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.132.000	1.132.000	
4	Chi phí tài chính			
	Trong đó lãi vay dùng cho SXKD			

5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.132.000)	(1.132.000)	
8	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(1.132.000)	(1.132.000)	
II	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN			
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế TNDN			
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN			
3	Tổng thu nhập chưa trừ chuyển lỗ	(1.132.000)	(1.132.000)	
4	Lỗ từ các năm trước chuyển sang			
5	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (đã trừ chuyển lỗ)			
III	Xác định số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế			0
1	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	0	0	0
IV	Các loại thuế khác			0
1	Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000	0
2	Thuế TN cá nhân	0	0	0

Giải thích số liệu chênh lệch qua kiểm tra:

Chấp nhận số liệu theo kê khai .

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN:

(Các sắc thuế phát sinh theo số liệu kê khai của Người nộp thuế)

Năm 2014:

STT	Chi tiêu	Kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã được hoàn hoặc miễn giảm trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1	Thuế GTGT	0	0		0	0
2	Thuế TNDN	0	0		0	0
3	Thuế TNCN	0	0		0	0
5	Thuế Môn bài	0	1.000.000		1.000.000	0

Năm 2015:

STT	Chi tiêu	Kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã được hoàn hoặc miễn giảm trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1	Thuế GTGT	0	0	0	0	0
2	Thuế TNDN	0	0		0	0
3	Thuế TNCN	0	0		0	0
5	Thuế Môn bài	0	1.000.000		1.000.000	0

Năm 2016:

STT	Chi tiêu	Kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã được hoàn hoặc miễn giảm trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
1	Thuế GTGT	0	.	0	.	0
2	Thuế TNDN	0	0		0	0
3	Thuế TNCN	0	0		0	0
5	Thuế Môn bài	0	1.000.000		1.000.000	0

Quan hệ ngân sách Nhà nước đến thời điểm kiểm tra:

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số nợ NSNN đến ngày 31/12/2016	Số thuế đã nộp đến thời điểm kiểm tra QT	Số thuế còn phải nộp đến thời điểm kiểm tra QT	Số thuế nộp thừa đã trừ vào số thuế phải nộp kỳ kê khai tiếp theo
1	Thuế GTGT	0	0	0	0
2	Thuế TNDN	0	0	0	0
3	Thuế TNCN	0	0	0	0
4	Thuế Môn bài	0	0	0	0

Số thuế truy thu qua kiểm tra:

STT	Loại thuế	Số thuế truy thu
1	Thuế GTGT	1.646.952

- Doanh nghiệp phải điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ chuyển sang kỳ sau là 104.048 đồng trong tờ khai thuế GTGT gần nhất.
- Doanh nghiệp không được chuyển số lỗ sang năm sau là:

Năm	Số tiền
2015	17.510.000
Tổng cộng	17.510.000

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Về sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ:

- + Người nộp thuế mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và có lưu giữ chứng từ.

Về thủ tục thuế: Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế đầy đủ, đúng hạn và cung cấp thông tin, tài liệu, chứng từ, sổ sách chính xác và đầy đủ đối với các sắc thuế: Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TNCN.

Về nộp thuế: số thuế phát sinh theo kê khai và theo thông báo của cơ quan thuế và được nộp đầy đủ vào ngân sách Nhà nước.

+ Về chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào: tại thời điểm kiểm tra, trong năm 2014-2015-2016 Doanh nghiệp không có phát sinh thanh toán bằng tiền mặt đối với các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới hai mươi triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên.

- + Về thuế GTGT:

Trong năm 2014-2015-2016: Người nộp thuế đưa khấu trừ thuế đầu vào của hoá đơn mua của Doanh nghiệp đã bỏ địa chỉ kinh doanh không liên quan đến hoạt động SXKD của DN; đưa vào khấu trừ số thuế đầu vào của các hoá đơn các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014-2015-2016. Doanh nghiệp đã vi phạm Điều 12 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013. Các vi phạm trên dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp trong năm 2015. Người nộp thuế không thực hiện đúng nghĩa vụ của người nộp thuế đã quy định tại điều 7 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và sẽ bị xử lý theo điều 106, 107 Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày